

Số: 321/TTYTYM-DUOC

Yên Mô, ngày 17 tháng 6 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Yên Mô đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm trang thiết bị sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện Yên Mô với nội dung cụ thể như sau :

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Yên Mô
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bộ phận Văn Thư, Trung tâm Y tế huyện Yên Mô hoặc Khoa Dược-TTB-VTYT (Nguyễn Ngọc Duy, số ĐT 0943.134.789).
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận bản giấy báo giá: (các đơn vị có thể gửi trực tiếp báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát) bộ phận Văn Thư, Trung tâm Y tế huyện Yên Mô;
Địa chỉ: Thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình
 - Nhận qua email bản scan màu: nguyenduy1985nb@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 18 tháng 6 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày phát hành

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục: (có Phụ lục kèm theo)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Trung tâm Y tế huyện Yên Mô.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 60 ngày.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán.

Tạm ứng: không.

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản khi đã có đầy đủ chứng từ hợp lệ.

- Các thông tin khác:

Tình trạng hàng hóa: mới 100%
Mẫu báo giá: theo mẫu đính kèm. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website trung tâm;
- Lưu: VT, Dược.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Vinh

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC MẶT HÀNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 321/TTYTYM- DUOC ngày 17/6/2024 của Trung tâm Y tế huyện Yên Mô)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		1. Yêu cầu chung: - Có chứng chỉ chất lượng quốc tế ISO9001 hoặc ISO13485 hoặc tương đương - Năm sản xuất: Từ 2023 trở đi - Chất lượng thiết bị: Mới 100% - Nguồn điện: 100 ÷ 230 V AC - 50/60 Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa $\geq 75\%$ 2. Cấu hình thiết bị: - Máy chính: 01 chiếc - Dây nguồn: 01 cái - Bút cảm ứng: 01 cái - Thiết bị dùng khăn cấp: 01 cái - Dây đai vùng ngực: 01 cái - Dây đai vùng lưng: 01 cái - Dây đai kéo cổ: 01 cái - Thanh gá lắp dùng trong kéo cổ: 01 cái - Bàn nâng hạ bằng điện 4 khúc: 01 cái - Phần mềm ngôn ngữ Tiếng Việt: 01 gói - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 bộ 3. Yêu cầu kỹ thuật máy kéo giãn: - Công suất tiêu thụ: $\leq 50 \text{ VA}$		

Đã

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy kéo giãn cột sống lưng cổ	- Tiêu chuẩn an toàn: 1 lớp B (hoặc tương đương) - Màn hình: LCD màn cảm ứng - Độ phân giải màn hình: $\geq (480 \times 800)$ pixel - Phần mềm: Sử dụng hệ điều hành Windows CE, đa ngôn ngữ và có Tiếng Việt - Chuyển chế độ kéo cổ hoặc kéo lưng bằng 1 công tắc ở phần bên của thiết bị - Giao diện điều khiển: gồm ≥ 9 phím cứng và núm xoay vô cực có chỉ thị bằng đèn LED - Có Bộ nhớ lưu chương trình của người dùng để lưu trữ phác đồ điều trị do người dùng thiết lập - Phương thức kéo: + Kéo liên tục + Kéo lũy tiến + Kéo ngắt quãng + Kéo điều hòa - Điều chỉnh lực kéo: + Vùng cổ: từ 1 đến ≥ 20 kg + Vùng lưng: từ 1 đến ≥ 90 kg - Thời gian điều trị cài đặt: từ 1 đến ≥ 60 phút - Thiết bị điều khiển dành cho bệnh nhân: Có - Chương trình được cài đặt sẵn: ≥ 30 chương trình - Thông số giường kéo giãn - Chiều dài phần chân: ≥ 740mm - Chiều dài phần đỡ lưng, hông: ≥ 310mmx 2 - Chiều dài phần đầu: ≥ 410mm - Nâng hạ đầu: - 20 độ đến 80 độ - Điều chỉnh điện nâng phần giữa giường: 0 độ đến ≥ 26 độ	1	Chiếc

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		Nâng chân: 0 độ đến ≥ 87 độ Góc xoay ngang: 60 độ - 0 độ - 60 độ		
2	Máy laser nội mạch 2 đầu phát	1. Yêu cầu chung Chất lượng thiết bị: Mới 100% Năm sản xuất: Từ 2023 trở đi Có chứng chỉ chất lượng ISO9001 hoặc ISO13485 hoặc tương đương Nguồn điện: Trong khoảng 220VAC/(50-60)Hz Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$ Độ ẩm tối đa $\geq 75\%$ 2. Cấu hình thiết bị: Máy chính: 01 Chiếc Đầu phát :02 Cái Dây nguồn: 01 Cái Kim Quang: 05 Cái Catheter: 05 cái Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 Bộ 3. Yêu cầu kỹ thuật: Kiểu: Semiconductor Laser hoặc tương đương Bước sóng: $\geq 650 \pm 5\text{nm}$ Số kênh phát: ≥ 02 kênh Công suất laser: Điều chỉnh 1- $\geq 6\text{ mW}$ /Đầu Điều khiển: Vi điều khiển Hiển thị: Màn LCD hoặc cao hơn Chế độ hoạt động: Liên tục và xung hoặc nhiều hơn Thời gian điều trị: 1- ≥ 99 phút	2	Chiếc

Page

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		Độ rộng xung: 100 - $\geq$ 800 ms Đường kính tia laser: 15 - $\geq$ 40 mm Dòng phát laser lớn nhất: $\geq$ 50 mA Lưu trữ thông số hoạt động từng kênh		
3	Máy sóng ngắn trị liệu	1. Yêu cầu chung Chất lượng thiết bị: Mới 100% Năm sản xuất: Từ 2023 trở đi Có chứng chỉ chất lượng quốc tế ISO9001 hoặc ISO13485 hoặc tương đương Nguồn điện: Trong khoảng 100-240VAC ; 50/60 Hz Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa $\geq$ 30°C Độ ẩm tối đa $\geq$ 75% 2. Cấu hình thiết bị: Máy chính: 01 Chiếc Tay đỡ đầu phát: 02 Cái Dây dẫn sóng cao tần: 02 Cái Đĩa điện cực Ø 130mm: 02 Cái Bóng tạo sóng: 01 cái Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 Bộ 3. Yêu cầu kỹ thuật: Cấp bảo vệ: 1 BF hoặc tương đương Công suất tiêu thụ: $\leq$ 1,5 KVA Tần số làm việc: 27,12 MHz Điều chỉnh thiết bị: tự động Các chế độ vận hành: Điện dung, Điện trở và Cảm ứng Các kiểu phát sóng: liên tục và xung	1	Chiếc

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		Độ rộng xung: ≥ 400 microgiây Phạm vi điều chỉnh tần số: trong khoảng từ 20 đến 200Hz Công suất ở chế độ liên tục: từ 0 đến $\geq 470W$ Công suất ở chế độ xung: từ 0 đến $\geq 1100W$ Có thể cài đặt thời gian điều trị từ: 0-30 phút Màn hình hiển thị: LCD hoặc tương đương Chương trình: ≥ 20 chương trình lưu sẵn các bệnh lý thường gặp Có quy trình cài đặt bằng tay và cài đặt sẵn		

Đuy